

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/DS-ST

Ngày: 09 - 10 - 2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phùng Như

2. Ông Phan Ngọc Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu là Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) L, địa chỉ số 40-42-44 Phạm T, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn A - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Văn T - Giám đốc Ngân hàng TMCP L - Phòng giao dịch N, địa chỉ ấp T, xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Huỳnh Thị Á, sinh năm 1966 (vắng mặt;

2.2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2017, người đại diện theo ủy quyền của nguyên

đơn - Ông Lâm Văn T trình bày: Ngày 25/02/2013 bà Huỳnh Thị Á cùng chồng là ông Trần Văn T có đến Ngân hàng TMCP L - PGD N để vay số tiền 60.000.000đ theo hợp tín dụng trung hạn số AH0848/HĐTD ngày 25/02/2013 , phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 04/3/2013. Cụ thể như sau:

Số tiền vay gốc 60.000.000đ; mục đích bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp + chăn nuôi; thời hạn vay 14 tháng; ngày giải ngân 28/02/2013 đến hạn ngày 28/4/2014; lãi suất: 1,6%/tháng, được điều chỉnh 06 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm Việt Nam đồng kỳ hạn 13 tháng, lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP L tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,65%/tháng. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức cho vay).

Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất cho vay ngay thời điểm nợ quá hạn.

Hình thức thanh toán: Trả lần 1 vào ngày 28/9/2013, lần 2 vào ngày 28/4/2014. Nếu trả không đầy đủ và đúng hạn, Ngân hàng sẽ thu thêm số tiền phạt chậm trả lãi bằng 0,1%/ngày x tổng số tiền lãi chậm trả x số ngày chậm trả. Trả vốn vay chậm nhất vào ngày đáo hạn.

Hợp đồng tín dụng trung hạn + phụ lục kèm theo được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số AH0804/HĐTC ngày 25/02/2013 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với bà Á, ông T và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang chứng thực ngày 28/02/2013.

Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm: Quyền sử dụng đất, loại đất 02 vụ lúa diện tích 10.400m², tọa lạc ấp 1, xã T, huyện R, thuộc thửa đất số 131a, tờ bản đồ số 4 do bà Huỳnh Thị Á đứng tên số P858692 do UBND huyện R cấp ngày 01/6/1998. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký QSD đất huyện R ngày 11/4/2013.

Trong quá trình vay vốn bà Á, ông T nhiều lần vi phạm hợp đồng không thanh toán nợ cho Ngân hàng khi đến hạn, Ngân hàng có nhắc nhở và ông bà có cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng ông bà vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 14/02/2017, bà Huỳnh Thị Á và ông Trần Văn T còn nợ Ngân hàng các khoản nợ như sau: Vốn gốc 60.000.000đ, lãi trong hạn 12.798.500đ, phạt chậm trả lãi 14.497.463đ, lãi quá hạn 44.201.500đ. Tổng cộng là 131.497.463đ.

Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị Á và ông Trần Văn T phải trả cho ngân hàng tổng số tiền 131.497.463đ (trong đó, vốn gốc 60.000.000đ, lãi trong hạn 12.798.500đ, phạt chậm trả lãi 14.497.463đ, lãi quá hạn 44.201.500đ) và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/02/2017 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng + phụ lục kèm theo cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp, bà Á và ông T không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án

dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2018, bị đơn bà Huỳnh Thị Á trình bày: Năm 2013, bà và chồng là ông Trần Văn T có vay của Ngân hàng TMCP L - PGD N số tiền 60.000.000đ và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn và bà bị bệnh nên kể từ khi vay đến nay chưa trả được cho Ngân hàng lần nào.

Đối với yêu cầu trả gốc và lãi của Ngân hàng, ý kiến bà như sau: Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin được trả dần theo từng vụ lúa, có bao nhiêu trả bấy nhiêu. Riêng phần lãi bà xin Ngân hàng giảm bớt tiền lãi cho bà, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Á và ông T phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ như sau: Vốn gốc 60.000.000đ, lãi trong hạn 12.827.333đ, phạt chậm trả lãi 22.248.986đ, lãi quá hạn 70.238.000đ. Tổng cộng là 165.314.319đ.

Trường hợp, bà Á và ông T không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản có có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thực hiện trình tự thủ tục tố tụng của Thẩm phán, HTND nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật TTDS, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đối chiếu các quy định của pháp luật, viện kiểm sát nhận thấy như sau:

- Xét yêu cầu của đại diện Ngân hàng TMCP L được bà Á và ông T thừa nhận, bà Á, ông T có nợ tiền vay gốc 60.000.000đ và lãi theo hợp đồng. Do đó, xét yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu và buộc ông T và bà Á có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng gốc và lãi bằng 165.314.319đ.

Bà Á và ông T vắng mặt tại phiên Tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn bà Huỳnh Thị Á và ông Trần Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Á và ông T.

Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu bà Á và ông T phải trả cho Ngân hàng tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn bà Huỳnh Thị Á và ông Trần Văn T có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện R, tỉnh Kiên Giang nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự thừa nhận việc bà Á, ông T có nợ tiền vay gốc 60.000.000đ và lãi theo hợp đồng. Do đó, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự công nhận đó là sự thật.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP L yêu cầu bà Á, ông T phải trả cho Ngân hàng tiền vay gốc 60.000.000đ, lãi trong hạn 12.827.333đ, phạt chậm trả lãi 22.248.986đ, lãi quá hạn 70.238.000đ. Tổng cộng là 165.314.319đ. Trường hợp, bà Á và ông T không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản có có hiệu lực thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[2.1]. Xét yêu cầu của ngân hàng TMCP L và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa hai bên là phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn thừa nhận còn thiếu Ngân hàng TMCP L - PGD N số tiền vay gốc 60.000.000đ và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết nhưng đến nay đã quá hạn mà chưa thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật dân sự 2015.

[2.2]. Theo bảng kê tính lãi của ngân hàng đến ngày 09/10/2018 bà Á, ông T còn nợ tiền lãi là 105.314.319 (trong đó lãi quá hạn 70.238.000đ, tiền phạt chậm trả lãi 22.248.986đ, lãi trong hạn 12.827.333đ). Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trung hạn số AH0804/HĐTD ngày 25/02/2013 nên được HĐXX chấp nhận. Do đó, cần buộc bà Á và ông T phải trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền 165.314.319 (trong đó vốn gốc 60.000.000đ, lãi trong hạn 12.827.333đ, phạt chậm trả lãi 22.248.986đ, lãi quá hạn 70.238.000đ), tính tròn là 165.314.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng) và lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 10/10/2018 đến khi thanh toán xong nợ theo Thông báo của Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

Ngân hàng TMCP L có trách nhiệm giải chấp cho bà Huỳnh Thị Á, ông Trần Văn T toàn bộ hồ sơ và giấy tờ chủ quyền của các tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng ngay sau các bên tắt toán toàn bộ nợ vay của hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp, bà Á và ông T không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản của bà Á, ông T đang thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ theo pháp luật quy định, gồm: Quyền sử dụng đất, loại đất 02 vụ lúa diện tích 10.400m², tọa lạc ấp 1 (nay là ấp B), xã T, huyện R, thuộc thửa đất số 131a, tờ bản đồ số 4 do bà Huỳnh Thị Á đứng tên số P858692 do UBND huyện R cấp ngày 01/6/1998.

[2.3]. Việc bà Á xin được trả vãn và giảm lãi nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận và cũng không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết nên không được HĐXX chấp nhận.

[3]. Về án phí: Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP L được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008388 ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Bà Huỳnh Thị Á và ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự giá ngạch $5\% \times 165.314.000\text{đ} = 8.265.700\text{đ}$, tính tròn 8.265.000đ (Tám triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Thương mại Cổ phần L Buộc bà Huỳnh Thị Á và ông Trần Văn T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần L số tiền 165.314.000đ (Một trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng) và lãi phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 10/10/2018 đến khi thanh toán xong.

Ngân hàng TMCP L có nghĩa vụ giải chấp cho bà Huỳnh Thị Á, ông Trần Văn T toàn bộ hồ sơ và giấy tờ đã thế chấp cho Ngân hàng ngay sau các bên tất toán toàn bộ nợ vay của hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp, bà Á và ông T không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản của bà Á, ông T đang thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ theo pháp luật quy định, gồm: Quyền sử dụng đất, loại đất 02 vụ lúa diện tích 10.400m², tọa lạc ấp 1 (nay là ấp B), xã T, huyện R, thuộc thửa đất số 131a, tờ bản đồ số 4 do bà Huỳnh Thị Á đứng tên số P858692 do UBND huyện R cấp ngày 01/6/1998.

[2]. Về án phí:

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP L được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.200.000đ (Năm

triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0008388 ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Bà Huỳnh Thị Á và ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự giá ngạch 5% x 165.314.000đ = 8.265.000đ (Tám triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

[3]. Về quyền kháng cáo:

Báo cho đại diện Ngân hàng TMCP L biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 09/10/2018. Bà Huỳnh Thị Á, ông Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THA DS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã Ký)

Lê Văn Hồng Chinh